

ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong nền kinh tế kế hoạch hoá, Nhà nước cấp phát vốn cho các doanh nghiệp Nhà nước để thực hiện các hoạt động kinh doanh căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ mà các doanh nghiệp được giao.

Từ khi nền kinh tế Việt Nam chuyển sang cơ chế thị trường, đặc biệt là từ sau khi Nhà nước thực hiện “quy chế giao vốn” cho các doanh nghiệp Nhà nước (chỉ thị 138 CT ngày 25/4/1991 của HDBT) thì Nhà nước không tiến hành cấp phát thêm vốn cho các doanh nghiệp Nhà nước nữa. Trên cơ sở vốn được giao, các doanh nghiệp phải có trách nhiệm bảo toàn vốn, thường xuyên bổ sung vốn để đầu tư mở rộng, đổi mới công nghệ để phát triển sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình.

Trên thực tế hiện nay, quan hệ tài chính giữa doanh nghiệp với ngân sách Nhà nước được thể hiện chủ yếu thông qua hoạt động: doanh nghiệp nộp thuế và các loại lệ phí cho ngân sách Nhà nước. Thuế là nguồn thu quan trọng của ngân sách Nhà nước và góp phần điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Những năm qua, hệ thống Pháp luật thuế ở nước ta đã được ban hành, sửa đổi, bổ sung ngày càng phong phú và hoàn thiện hơn. Đặc biệt việc ban hành Luật thuế GTGT và có hiệu lực từ ngày 1/1/1999 thay thế thuế doanh thu, là một bước tiến mới trong ngành thuế nước ta.

Thuế GTGT là một sắc thuế mới có sự thay đổi cơ bản về nội dung, phương pháp tính thuế và biện pháp thu so với thuế doanh thu trước đây. Trong các doanh nghiệp, thuế GTGT đầu ra là trách nhiệm của doanh nghiệp phải nộp cho Ngân sách Nhà nước, thuế GTGT đầu vào là quyền lợi được trừ hay được hoàn lại của doanh nghiệp. Vấn đề đặt ra hiện nay là làm thế nào để luật thuế GTGT được thực hiện theo đúng quy định, đảm bảo nguồn thu cho Ngân sách Nhà nước, đảm bảo quyền lợi cho doanh nghiệp. Những vấn đề đó phần lớn được thực hiện thông qua công tác kế toán thuế GTGT. Kế toán thuế GTGT là công cụ quan trọng để thực hiện luật thuế mới vì nó liên quan tới tất cả các phần kế toán, từ hạch toán vốn bằng tiền, vật tư hàng hoá, TSCĐ, công cụ phải thu, phải trả, chi phí doanh thu và thu nhập các hoạt động khác, từ việc sử dụng các chứng từ hoá đơn đến nội dung, phương pháp hạch toán và lập báo cáo tài chính. Đặc biệt là việc lập các bảng kê và tờ khai thuế GTGT hàng tháng ở các cơ sở kinh doanh. Kết quả hạch toán thuế GTGT sẽ có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả của các phần hành kế toán khác. Vì thế, các doanh nghiệp cần phải tổ chức công tác kế toán thuế GTGT một cách chính xác, kịp thời, phù hợp với ngành nghề, đáp ứng yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Nhận thức được vấn đề đó, với những kiến thức đã tiếp thu tại nhà trường cùng thời gian ngắn tìm hiểu thực tế tổ chức công tác hạch toán kế toán thuế GTGT tại Công ty cổ phần cơ khí mỏ Việt Bắc-VVMI, và với sự hướng dẫn của cô giáo : **Trương Thu Hương**, em đã làm đề án môn học:

“Tổ chức kế toán thuế GTGT tại Công cổ phần cơ khí mỏ Việt Bắc-VVMI”

2. Mục đích nghiên cứu:

- Tổng hợp và trình bày một cách toàn diện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại công ty cổ phần cơ khí mở Việt Bắc-VVMI trong tháng 01/2011
- Đưa ra kết luận về tình hình tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại đơn vị và đưa ra kiến nghị.

3. Nội dung của đề án gồm 2 chương:

Chương I: Khái quát về đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty cổ phần cơ khí mở Việt Bắc-VVMI.

Chương II: Thực trạng tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại công ty cổ phần cơ khí mở Việt bắc-VVMI.

4. Phạm vi nghiên cứu:

- Phạm vi nghiên cứu của đề tài giới hạn trong các hoạt động liên quan đến tình hình tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công Ty Cổ Phần cơ khí mở việt Bắc-VVMI trong tháng 1/2011.
- Thời gian nghiên cứu: từ ngày 14/03/2011 đến ngày 28/03/2011
- Địa điểm nghiên cứu: phòng kế toán công ty Cổ Phần cơ khí mở việt bắc-VVMI.

Chương I:
KHÁI QUÁT CHUNG VỀ ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH
DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ MỎ VIỆT BẮC-VVMI

1.1. Quá trình hình thành và phát triển của doanh nghiệp

o Thông tin giới thiệu:

- Tên doanh nghiệp: Công ty cổ phần Cơ khí mỏ Việt Bắc-VVMI
- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ MỎ VIỆT BẮC – VVMI
- Tên tiếng Anh: VVMI- Viet Bac Mining Mechanical Joint Stock Company
- Tên viết tắt: VVMC
- Địa chỉ: Xã Cù Vân - Huyện Đại Từ - Tỉnh Thái Nguyên
- Giấy phép Đăng ký kinh doanh số: 1703000317
- Điện thoại: 0280 2212925 - 0280 3725108 - 0280 3725153
- Fax: 02803 725113
- Giám đốc : Trần Văn Quang
- Vốn điều lệ : 150486491976 đồng
- Tài khoản: 39010 000 000 410 Ngân hàng đầu tư và phát triển Thái Nguyên
10201 0000 439211 Ngân hàng công thương Thái Nguyên
- Mã số thuế: 46 00432062
- Email : vietbac@congnghiepmovietbac.com.vn
- Website : <http://congnghiepmovietbac.com.vn>

Công ty Cổ phần cơ khí mỏ Việt Bắc-VVMI là tiền thân của Nhà máy cơ khí mỏ Bắc Thái được thành lập vào ngày 23/07/1968 của Bộ Năng lượng (nay là Bộ Công thương), là đơn vị hạch toán kinh tế phụ thuộc Công ty Than Nội Địa, nay là Công ty TNHH một thành viên Công nghiệp mỏ Việt Bắc – VVMI thuộc tập đoàn than – khoáng sản Việt Nam – TKV.

Ngày 18/12/2006, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành quyết định số 3676/QĐ-BCN về việc cổ phần hóa Nhà máy cơ khí mỏ Bắc Thái

Ngày 25/12/2006, Nhà máy cơ khí mỏ Bắc Thái được chuyển thành Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc – TKV. Nhà máy cơ khí mỏ Bắc Thái– VVMI, là đơn vị trực thuộc của Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc – VVMI theo quyết định số 26/QĐ-HĐQT của Hội đồng quản trị Công nghiệp mỏ Việt Bắc – TKV.

Sau khi cổ phần hóa Nhà máy cơ khí mỏ Bắc Thái chuyển đổi thành Công ty cổ phần cơ khí mỏ Việt Bắc- VVMI

Lĩnh vực kinh doanh :

- Sửa chữa, chế tạo, mua bán thiết bị khai thác mỏ, sàng tuyển, xi măng, nhiệt điện và phương tiện vận tải
- Gia công cơ khí, kết cấu thép, chế tạo thiết bị và phụ tùng.
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp.
- Tư vấn, thiết kế các sản phẩm cơ khí cho công trình công nghiệp, xây dựng.
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng, hàng hoá phục vụ sản xuất kinh doanh cơ khí .
- Vận chuyển hàng hóa đường bộ bằng ô tô và cầu nâng dỡ hàng.

Công nghệ sản xuất:

Với mặt bằng sản xuất rộng 12,7 ha bao gồm: Nhà điều hành sản xuất, Xưởng sản xuất, nhà kho, trạm y tế, nhà thể thao; hồ nước công nghiệp và khu tập thể.

Nhà xưởng có mái che: 6604 m² trong đó:

Nhà xưởng sửa chữa:	3080 m ²
Nhà xưởng cơ khí chế tạo:	3064 m ²
Nhà xưởng đúc:	460 m ²

Để đáp ứng mọi yêu cầu của khách hàng Công ty đã chú trọng đầu tư máy móc công nghệ sản xuất hiện đại được nhập khẩu từ các nước Nga, Áo, Đức, Nhật Bản và Hàn Quốc như:

- Máy cắt gọt kim loại: Gia công đường kính lớn đến 2,2 m
- Thiết bị làm sạch và sơn: 01 máy phun bi kim loại làm sạch kết cấu thép, 01 máy phun sơn áp lực.
- Thiết bị đúc: Gồm lò nấu thép trung tần 0.5 tấn/mẻ và lò đúc thép siêu tốc 1.5 tấn/mẻ, các máy nghiền trộn, máy làm khuôn, máy làm sạch vật đúc.
- Thiết bị nhiệt luyện: 01 lò tôi cao tần do, 01 lò thấm thân thể khí, 02 lò phản xạ.
- Máy cân bơm cao áp, Máy thử công suất, băng thử găm và các thiết bị tháo lắp khác
- Máy phân tích quang phổ phát xạ, máy dò khuyết tật bằng siêu âm và máy thử độ cứng.
- Dầm cầu trục có tải trọng nâng từ 2 tấn đến 5 tấn, xe cầu tự hành tải trọng 15 tấn, sức nâng 7 tấn.

Song song với việc đầu tư các thiết bị hiện đại Công ty tiến hành đầu tư hệ thống xử lý nước thải và dầu thải tiên tiến đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

o Sản phẩm:

* Sản phẩm cơ khí sửa chữa:

Năm 2008 Công ty sửa chữa và phục hồi trên 100 xe các loại bao gồm: Máy xúc, máy ủi, ô tô, máy cày, máy gặt: CAT, KOMASU, HYUNDAI, SAMSUNG, BANGLA, KAMAZ Ngoài ra Công ty còn sửa chữa phục hồi các thiết bị trong nhà máy nhiệt điện.

* Sản phẩm cơ khí chế tạo:

Với hơn 1000 tấn sản phẩm mỗi năm Công ty là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực chế tạo xe goòng trọng tải từ 1 đến 3 tấn, răng gầu máy xúc EKG, máy xúc thủy lực, phụ tùng ô tô, máy mỏ, giường ben, toa xe, vỏ cầu, cụm vi sai, rotuyn, phụ kiện đường dây và trạm, phụ kiện đường sắt....

- Sản phẩm xe goòng 1 tấn kiểu Rumani:

Thông số kỹ thuật cơ bản

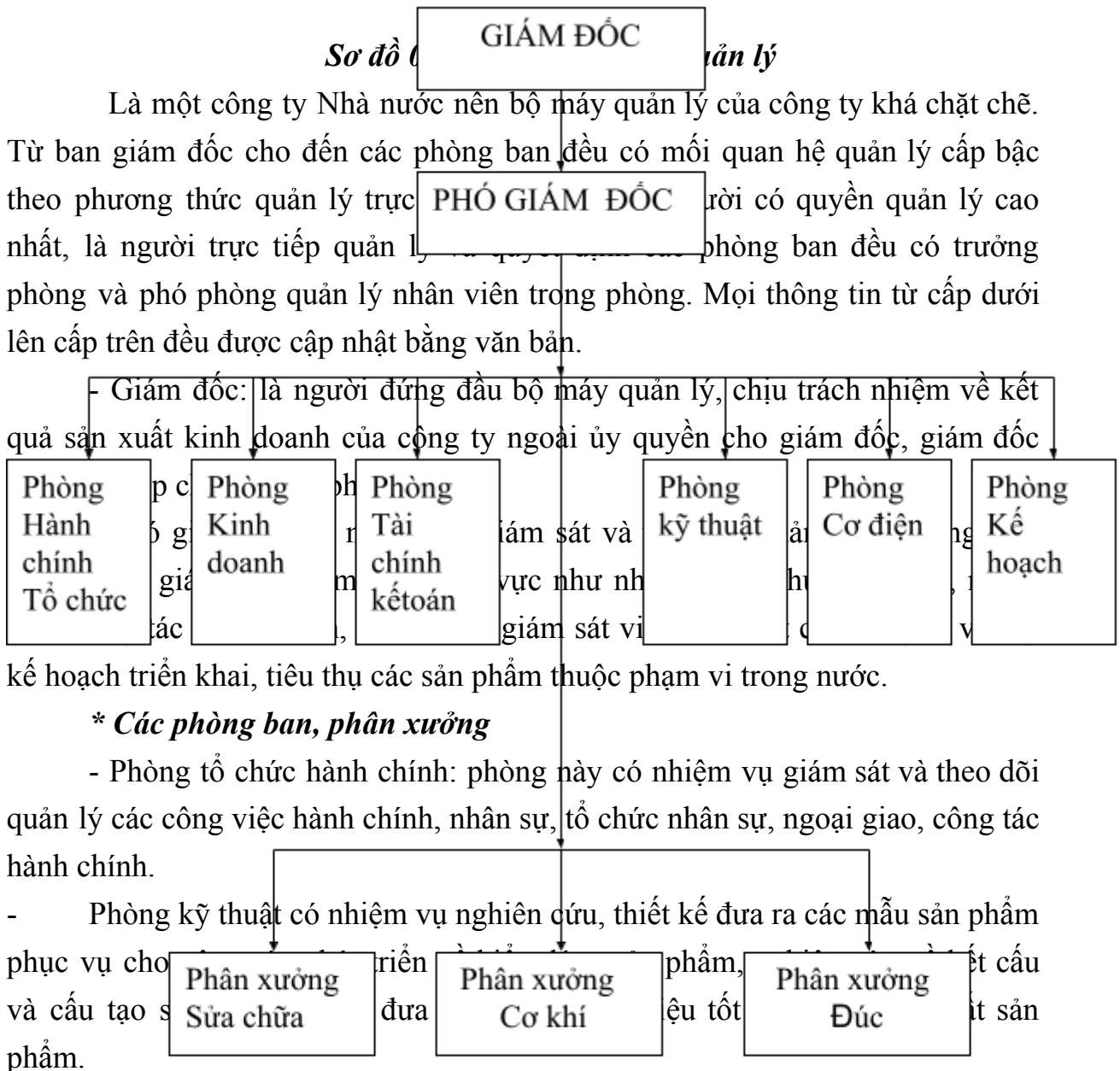
1. Dung tích thùng xe :	0.96 m ³
2. Vật tư làm thùng :	CT3- d4 ÷ d5
3. Vật tư làm thanh sườn bên :	CT3- d8; U100
4. Vật liệu làm trục :	C45- f60
5. Vòng bi sử dụng loại:	7209
6. Khoảng cách trục :	550 mm
7. Đường kính vòng lăn bánh xe :	F 300 mm
8. Cỡ đường :	600
9. Kích thước phủ bì (D x R x C):	1730x1160 x 800 mm

Sản phẩm xe goòng 3 tấn:

Thông số kỹ thuật cơ bản

1. Dung tích thùng xe:	3,32 m ³
2. Vật tư làm thùng:	CT3- d5 ÷ d6
3. Vật tư làm thanh sườn bên:	CT3- d10; U120
4. Vật liệu làm trục:	C45 -f75
5. Vòng bi sử dụng loại:	7313
6. Khoảng cách trục :	1100 mm
7. Đường kính vòng lăn bánh xe :	F 350 mm
8. Cỡ đường:	900

1.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý ,nhiệm vụ chức năng của từng bộ phận:



*** Các phòng ban, phân xưởng**

- Phòng tổ chức hành chính: phòng này có nhiệm vụ giám sát và theo dõi quản lý các công việc hành chính, nhân sự, tổ chức nhân sự, ngoại giao, công tác hành chính.
- Phòng kỹ thuật có nhiệm vụ nghiên cứu, thiết kế đưa ra các mẫu sản phẩm phục vụ cho sản xuất và cấu tạo sản phẩm.
- Phòng kế hoạch có nhiệm vụ nghiên cứu và lập kế hoạch về sản xuất, cung ứng vật tư như các nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất sản phẩm như men màu, đất sét, feldspat cao lanh.. và một số thiết bị khác.

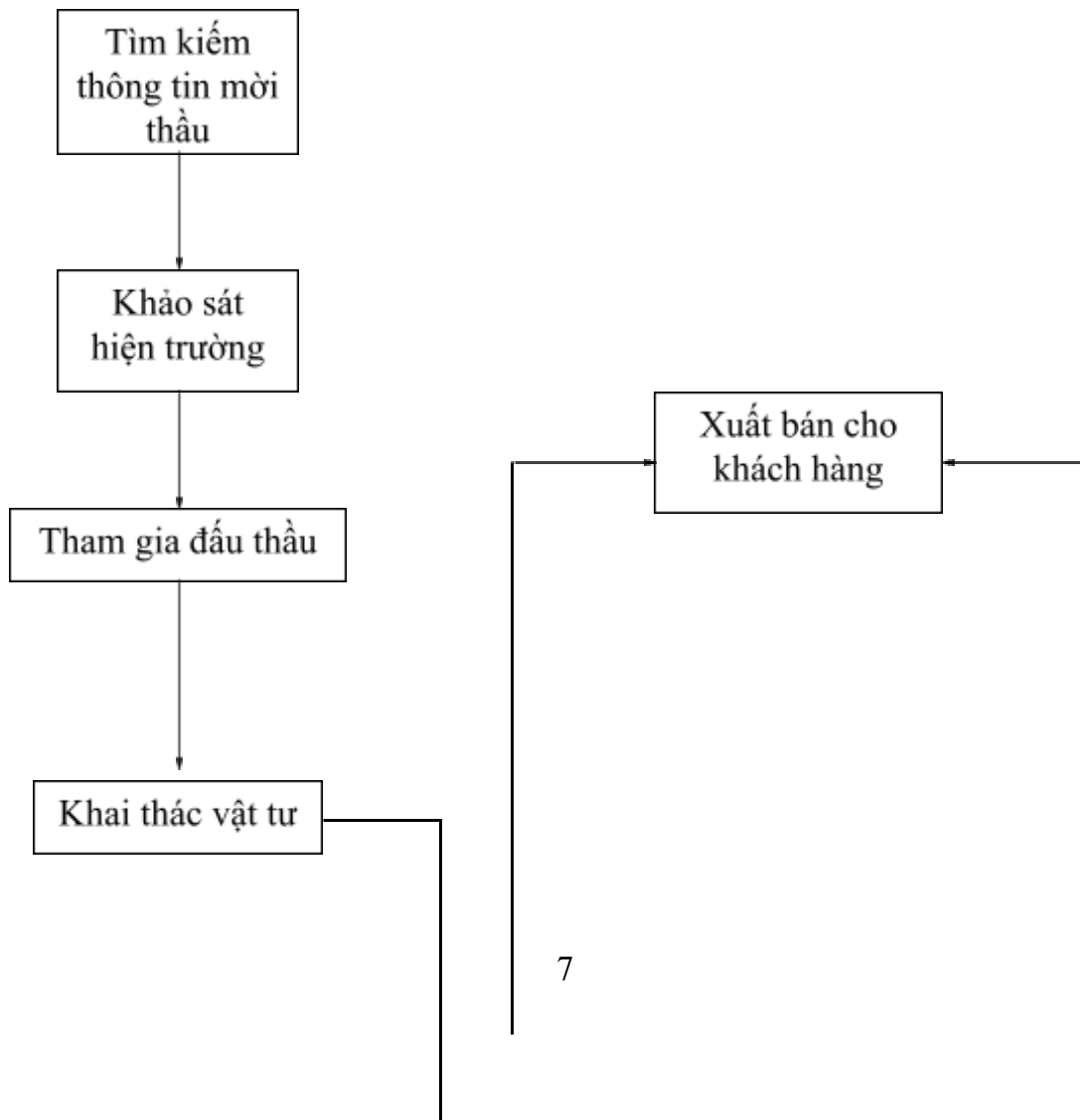
- Phòng cơ điện: nhiệm vụ chính đảm bảo cho máy móc thiết bị của toàn công ty. Tổ chức thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống máy móc trong toàn công ty, tổ chức vận hành an toàn hệ thống.

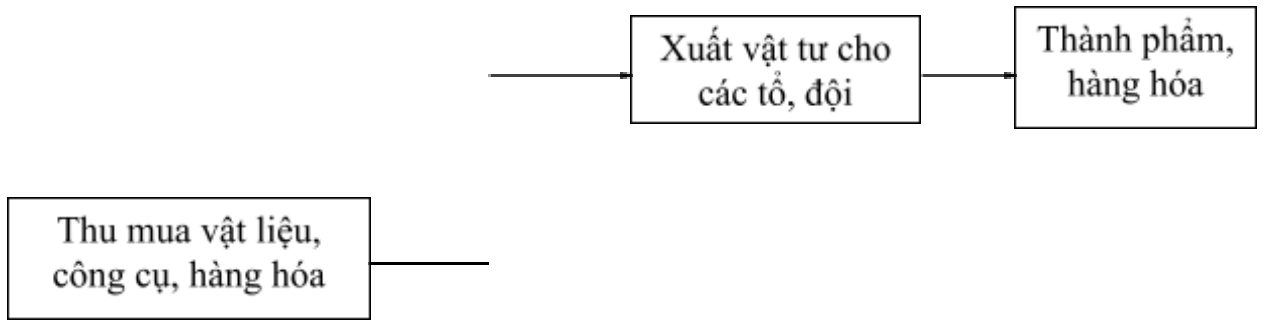
- Phòng kinh doanh có nhiệm vụ nghiên cứu các sản phẩm đang có xu hướng phát triển phù hợp với thị hiếu và các dòng sản phẩm mang tính tiềm năng trong tương lai. Mở rộng và phát triển thị trường tiếp cận và quảng bá sản phẩm tới người tiêu dùng.

- Phòng tài chính kế toán: có chức năng ghi sổ và hạch toán tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty, lập và tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính theo tháng, quý, năm lập các báo cáo tài chính theo quy định chung của Nhà nước và điều lệ hoạt động của tổng công ty.

1.3.Đặc điểm quy trình công nghệ

Quy trình công nghệ sản xuất là dây chuyền sản xuất sản phẩm của các Doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp có một loại sản phẩm thì sẽ có quy trình công nghệ của riêng loại sản phẩm đó. Có thể khái quát quy trình sản xuất của Công ty Cổ Phần Cơ khí mở Việt Bắc-VVMI như sau:





Sơ đồ quy trình công nghệ

1.4 Khái quát các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Sức cạnh tranh của các doanh nghiệp cùng ngành:

Vị thế cạnh tranh của công ty so với các đối thủ được thể hiện qua thị phần và năng lực phân biệt riêng có của công ty.

Thị phần càng lớn các công ty càng mạnh – xét ở vị thế cạnh tranh. Mặt khác, vị thế cạnh tranh càng vững chắc hơn nếu công ty có năng lực đặc biệt về nghiên cứu và phát triển, Marketing, hiểu biết thị trường, tạo được uy tín nhãn hiệu – những thế mạnh vượt trội mà các đối thủ không có được. Nói chung, công ty có thị phần lớn nhất với năng lực cạnh tranh mạnh nhất, độc đáo nhất sẽ có vị thế cạnh tranh tốt nhất

Năng lực riêng biệt, hay còn được biết như năng lực cạnh tranh của các công ty là thể hiện thực lực và lợi thế của công ty so với đối thủ cạnh tranh trong việc thỏa mãn tốt nhất các đòi hỏi của khách hàng để thu lợi ngày càng cao hơn. Như vậy, năng lực cạnh tranh của công ty trước hết phải được tạo ra từ thực lực của công ty. Đây là các yếu tố nội hàm của mỗi công ty, không chỉ được tính bằng các tiêu chí về công nghệ, tài chính, nhân lực, tổ chức quản trị công ty... một cách riêng biệt mà cần đánh giá, so sánh với các đối tác cạnh tranh trong hoạt động trên cùng một lĩnh vực, cùng một thị trường

- Giá cả nguyên vật liệu đầu vào cao:

Năm qua cũng là một năm Cơ khí mở Việt Bắc gặp không ít khó khăn do giá cả vật tư chủ yếu cho sản xuất như sắt thép, nhiên liệu tăng cao, biến động liên tục, trong khi đó, do giá than, khoáng sản thấp nên nhiều đơn vị hạn chế sửa chữa thiết bị, cắt giảm đầu tư. Thêm nữa, việc Tập đoàn sắp xếp, phân công lại vùng sửa chữa, áp dụng cơ chế điều hành hạn chế đưa thiết bị xe máy từ các đơn vị vùng Quảng Ninh lên sửa chữa là những thách thức không nhỏ, ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất kinh doanh của Công ty.

Theo Giám đốc Công ty Trần Văn Quang, năm 2010, bên cạnh việc tiếp tục duy trì phát huy các sản phẩm truyền thống như các loại răng gầu EKG, CAT, phụ kiện hầm lò, sửa chữa trung đại tu các loại xe máy mỏ của Liên Xô cũ... thì trước thực tế cạnh tranh ngày càng gay gắt của thị trường hiện nay, sức ép lo đủ việc làm cho người lao động, Công ty đã chủ động tiếp cận với việc sửa chữa thiết bị chủng loại mới là xe HYUNDAI, DAEWOO, CAT, tăng cường đầu tư mở rộng phân xưởng đúc, chế tạo các sản phẩm mới như phụ tùng ô tô, phụ kiện cho nhà máy xi măng, nhiệt điện.

- Trình độ của công nhân vẫn còn nhiều hạn chế:

Công nhân là nguồn lực trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trình độ của công nhân là một trong những nhân tố làm nên uy tín của doanh nghiệp. Chính vì vậy doanh nghiệp cần phải xuyên chú trọng bồi dưỡng nâng cao trình độ của người lao động để góp phần phát triển doanh nghiệp

1.5 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của kỳ trước

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUA 3 NĂM

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Chênh lệch		Chênh lệch	
				09/08 (%)	10/09 (%)	09/08	10/09
1. Doanh thu	7.332.204.759	15.126.433.739	25.709.260.555	20,63	16,99	7.794.228.980	10.582.826.816
2. Giá vốn hàng bán	8.099.851.979	14.243.366.875	29.986.563.436	17,58	21,05	6.143.514.896	15.743.196.561
3. Lợi nhuận thuần từ HĐKD	24.260.996	59.359.719	109.736.104	24,46	18,48	35.098.723	50.376.385
4. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	30.635.467	49.332.866	118.100.226	16,1	23,93	18.697.399	68.767.360
5. Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế	24.635.467	46.332.868	98.909.886	18,8	21,34	21.697.401	52.577.018

*Nhận xét:

Từ bảng phân tích trên ta thấy:

- Về tổng doanh thu:

- Năm 2010 so với năm 2009 tăng 16,99% tương ứng tăng 10.582.826.816 đồng

- Năm 2009 so với năm 2008 tăng 20,63% tương ứng tăng 1.794.228.980 đồng

- Về giá vốn hàng bán :

- Năm 2010 so với năm 2009 tăng 21,5% tương ứng tăng 15.743.196.561 đồng

- Năm 2009 so với năm 2008 tăng 17,58% tương ứng tăng 6.143.514.896 đồng

- Về lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Năm 2010 so với 2009 tăng 18,48% tương ứng tăng 50.376.385 đồng

- Năm 2009 so với năm 2008 tăng 24,46% tương ứng tăng 35.098.728 đồng

- Về tổng lợi nhuận kế toán trước thuế:

Năm 2010 so với năm 2009 tăng 23,93% tương ứng tăng 68.767.360 đồng

Năm 2009 so với năm 2008 tăng 16,1% tương ứng tăng 18.697.399 đồng

- Về tổng lợi nhuận kế toán trước thuế”

Năm 2010 so với năm 2009 tăng 21,34% tương ứng tăng 52.577.018 đồng

Năm 2009 so với năm 2008 tăng 18,8% tương ứng tăng 21.697.407 đồng

* Kết luận:

Từ nhân xét trên ta thấy các chỉ tiêu về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty Cổ phần Cơ khí mỏ Việt Bắc-VVMI tăng dần qua các năm 2008,2009,2010. Đây là những dấu hiệu tích cực thể hiện sự phát triển và trưởng thành từng bước của doanh nghiệp qua quá trình hoạt động.Có được những kết quả đáng mừng trên là do doanh nghiệp không ngừng nỗ lực đổi mới cơ sở vật chất, phương tiện vận tải ,máy móc nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng, tăng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế cũng tăng lên đáng kể qua 3 năm phân tích, để có được kết quả như vậy ngoài những đổi mới kịp thời hợp lý về TSCĐ,chiến lược kinh doanh, đội ngũ lao động...ta không thể không nhắc tới sự đổi mới trong chính sách thuế của chính phủ.Doanh nghiệp cần phải luôn phát huy những mặt mạnh của mình, nhạy bén và có sách lược trong hoạt động sản xuất kinh doanh, khắc phục những mặt hạn chế còn tồn tại để đưa doanh nghiệp ngày càng phát triển hơn và phát triển bền vững.

CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GTGT TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ MỎ VIỆT BẮC-VVMI

2.1. Chứng từ sử dụng

Quản lý in ấn hóa đơn (Nghị định 51/2010/NĐ- CP) tại công ty:

- Hóa đơn tự in

1. Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật trong khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao; doanh nghiệp có mức vốn điều lệ theo quy định của Bộ Tài chính; các đơn vị sự nghiệp công lập có sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật được tự in hóa đơn kể từ khi có mã số thuế.

2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, được tự in hóa đơn để sử dụng cho việc bán hàng hóa, dịch vụ nếu có đủ các điều kiện sau:

a) Đã được cấp mã số thuế

b) Có doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ;

c) Không bị xử phạt về các hành vi vi phạm pháp luật về thuế theo mức do Bộ Tài chính quy định trong 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày liên tục tính đến ngày thông báo phát hành hóa đơn tự in.

d) Có hệ thống thiết bị đảm bảo cho việc in và lập hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ.

đ) Là đơn vị kế toán theo quy định của Luật Kế toán và có phần mềm bán hàng hóa, dịch vụ gắn liền với phần mềm kế toán, đảm bảo việc in và lập hóa đơn chỉ được thực hiện khi nghiệp vụ kế toán phát sinh.

3. Hóa đơn tự in đảm bảo nguyên tắc mỗi số hóa đơn chỉ được lập một lần. Số lượng liên hóa đơn được in căn cứ vào yêu cầu sử dụng cụ thể của nghiệp vụ bán hàng. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tự quy định bằng văn bản về số lượng liên hóa đơn.

- Hóa đơn điện tử

1. Hóa đơn điện tử được khởi tạo, lập, xử lý trên hệ thống máy tính của tổ chức, cá nhân kinh doanh đã được cấp mã số thuế khi bán hàng hóa, dịch vụ và được lưu trữ trên máy tính của các Bên theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hóa đơn điện tử được sử dụng theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

- Hóa đơn đặt in

1. Hóa đơn đặt in được in ra dưới dạng mẫu in sẵn có nội dung quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này. Riêng hóa đơn do các Cục Thuế đặt in phải có tên Cục Thuế ở góc trên bên trái của tờ hóa đơn.

2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh có mã số thuế được đặt in hóa đơn để sử dụng cho các hoạt động bán hàng hóa, dịch vụ.

3. Cục Thuế đặt in hóa đơn để bán, cấp cho các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng theo quy định tại Điều 10 Nghị định này.

Tất cả các đơn vị trực thuộc Cục Thuế bán, cấp cùng một loại hóa đơn do Cục Thuế phát hành.

- In hóa đơn đặt in

1. Hóa đơn đặt in được in theo hợp đồng giữa tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hoặc Cục Thuế với doanh nghiệp nhận in hóa đơn có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định này.
2. Hợp đồng in hóa đơn được thể hiện bằng văn bản, trong đó phải ghi rõ số lượng, ký hiệu, số thứ tự hóa đơn đặt in, đồng thời kèm theo mẫu hóa đơn.
3. Trường hợp doanh nghiệp in tự in hóa đơn đặt in để sử dụng cho mục đích bán hàng hóa, dịch vụ, phải có quyết định in hóa đơn của thủ trưởng đơn vị. Quyết định in phải đảm bảo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này.

- Bán, cấp hóa đơn do Cục Thuế đặt in

1. Hóa đơn do Cục Thuế đặt in được bán theo giá bảo đảm bù đắp chi phí thực tế. Cục trưởng Cục Thuế quyết định và niêm yết giá bán hóa đơn theo nguyên tắc trên. Cơ quan thuế các cấp không được thu thêm bất kỳ khoản thu nào ngoài giá bán đã niêm yết.
2. Hóa đơn do các Cục Thuế đặt in chỉ được bán cho tổ chức không phải là doanh nghiệp nhưng có hoạt động kinh doanh, hộ gia đình và cá nhân kinh doanh có cơ sở tại địa phương.
3. Hóa đơn do các Cục Thuế đặt in được cấp cho các tổ chức không phải là doanh nghiệp, hộ gia đình và cá nhân không kinh doanh nhưng có phát sinh hoạt động bán hàng hóa, dịch vụ cần có hóa đơn để giao cho khách hàng.

- Phát hành hóa đơn của tổ chức, cá nhân kinh doanh

1. Tổ chức, cá nhân kinh doanh trước khi sử dụng hóa đơn cho việc bán hàng hóa, dịch vụ phải lập Tờ thông báo phát hành hóa đơn.
2. Nội dung Tờ thông báo phát hành hóa đơn gồm: hóa đơn mẫu, ngày bắt đầu sử dụng, ngày lập Tờ thông báo phát hành và chữ ký của người đại diện trước pháp luật.
3. Hóa đơn mẫu là bản in đúng, đủ các nội dung trên liên hóa đơn giao cho người mua loại sẽ phát hành, có số hóa đơn là một dãy các chữ số 0 và in chữ “Mẫu” trên tờ hóa đơn.

4. Tờ thông báo phát hành hóa đơn được gửi đến cơ quan thuế nơi tổ chức, cá nhân phát hành thông báo đóng trụ sở chính, trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày ký thông báo phát hành và niêm yết ngay tại các cơ sở sử dụng hóa đơn để bán hàng hóa, dịch vụ trong suốt thời gian sử dụng hóa đơn.

5. Trường hợp có sự thay đổi về nội dung đã thông báo phát hành, tổ chức, cá nhân kinh doanh phải thực hiện thủ tục thông báo phát hành mới theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này.

- Phát hành hóa đơn của Cục Thuế

1. Hóa đơn do Cục Thuế đặt in để bán, cấp trước khi bán, cấp lần đầu phải lập Tờ thông báo phát hành hóa đơn.

2. Nội dung Tờ thông báo phát hành và hóa đơn mẫu được quy định như khoản 2 và 3 Điều 11.

3. Tờ thông báo phát hành hóa đơn phải được gửi đến tất cả các Cục Thuế trong cả nước trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày lập Tờ thông báo phát hành và niêm yết ngay tại các cơ sở trực thuộc Cục Thuế trong suốt thời gian sử dụng hóa đơn. Trường hợp Cục Thuế đã đưa nội dung Tờ thông báo lên trang mạng (Website) của ngành thuế thì không phải gửi Tờ thông báo đến Cục Thuế khác.

4. Trường hợp có sự thay đổi về nội dung đã thông báo phát hành, Cục Thuế phải thực hiện thủ tục thông báo phát hành mới theo quy định tại khoản 2 và 3 Điều này.

- Nhận dạng hóa đơn

1. Tổ chức, cá nhân khi in, phát hành hóa đơn có trách nhiệm ghi các ký hiệu nhận dạng mật trên hóa đơn do mình phát hành để

phục vụ việc nhận dạng hóa đơn giả trong quá trình sử dụng.

2. Khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về xác nhận tính hợp pháp của hóa đơn, tổ chức, cá nhân in, phát hành hóa

đơn phải có văn bản trả lời trong vòng mười ngày kể từ khi nhận được yêu cầu.

- Nguyên tắc sử dụng hóa đơn

1. Tổ chức, cá nhân kinh doanh chỉ được lập và giao cho người mua hàng hóa, dịch vụ các loại hóa đơn theo quy định tại Nghị định này.
2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh khi lập hóa đơn phải ghi đầy đủ nội dung và đúng thực tế nghiệp vụ phát sinh.
3. Hóa đơn được lập thành nhiều liên gồm: liên giao cho người mua, liên người bán giữ và một số liên khác theo yêu cầu của hoạt động kinh doanh. Nội dung lập hóa đơn phải được thống nhất trên các liên hóa đơn có cùng một số.
4. Tổ chức, cá nhân kinh doanh trong quá trình sử dụng nếu phát hiện mất hóa đơn đã lập hoặc chưa lập phải báo cáo cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp biết để xử lý kịp thời.
5. Các cơ sở kinh doanh trong cùng một đơn vị kế toán theo quy định tại Luật Kế toán, sử dụng hóa đơn của cơ sở chính.

- Lập hóa đơn

1. Khi bán hàng hóa, dịch vụ người bán phải lập hóa đơn. Khi lập hóa đơn phải ghi đầy đủ nội dung theo quy định tại Nghị định này.
2. Hóa đơn phải được lập theo thứ tự từ số nhỏ đến số lớn. Bộ Tài chính quy định thứ tự lập hóa đơn đối với trường hợp nhiều cơ sở của cùng đơn vị kế toán sử dụng chung một loại hóa đơn có cùng tên, cùng ký hiệu.
3. Ngày lập hóa đơn là ngày người bán và người mua làm thủ tục ghi nhận hàng hóa, dịch vụ đã được chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng. Các trường hợp pháp luật quy định chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký thì ngày lập hóa đơn là ngày bàn giao hàng hóa.
Trường hợp giao hàng nhiều lần hoặc bàn giao từng hạng mục, công đoạn dịch vụ thì mỗi lần giao hàng hoặc bàn giao đều phải lập hóa đơn cho khối lượng, giá trị hàng hóa, dịch vụ được giao tương ứng.
4. Trường hợp bán hàng qua điện thoại, qua mạng, bán hàng hóa, dịch vụ cùng lúc cho nhiều người tiêu dùng, khi lập hóa đơn người bán hoặc người mua không phải ký tên theo quy định của Bộ Tài chính.

5. Hóa đơn điện tử được lập xong sau khi người bán và người mua đã ký xác nhận giao dịch đã được thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

6. Bộ Tài chính quy định việc lập hóa đơn đối với các trường hợp cụ thể khác.

*Ví dụ hóa đơn GTGT của đơn vị

-hóa đơn mua vào trong tháng 1 (liên 2)

-hóa đơn bán ra trong tháng 1 (liên 3)

HÓA ĐƠN

GIÁ TRỊ GIA TĂNG *Mẫu số: 01GTKT-3LL-12*

Liên 2: Giao khách hàng *Ký hiệu: AA/2009T*

Ngày: 25 tháng 01 năm 2011 *Số: 006151*

Đơn vị bán hàng : Công ty cổ phần Cơ khí mỏ Việt Bắc-VVMI

Địa chỉ : xã Cù Vân- Huyện Đại Từ-Tp Thái Nguyên

Số tài khoản:

Điện thoại : MS: 4600432062

Họ tên người mua hàng: Đàm Trọng Hải

Tên đơn vị : Công ty cổ phần Cơ khí mỏ Việt Bắc-VVMI

Địa chỉ : xã Cù Vân- Huyện Đại Từ-Tp Thái Nguyên

Số tài khoản :

Hình thức thanh toán : CK MST: 4600432062

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
A	B	C	1	2	3 = 2x1
1	Than cục xô 1a-QN	Tấn	42,16	2.865.000	120788400
Cộng tiền hàng:					120788400

Thuế suất GTGT:	10%	1.2078.840
Tiền thuế GTGT:		
Phí xăng dầu		
Tổng tiền thanh toán:		132.867.240

Số tiền viết bằng chữ: Một trăm ba mươi hai triệu tám trăm sáu mươi bảy ngàn hai trăm bốn mươi đồng.

Người mua hàng
(ký, họ tên)

Người bán hàng
(ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký, đóng dấu)

(Nguồn số liệu từ phòng kế toán)

HÓA ĐƠN

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01 GTKT-3LL-01

Liên 3: Thanh toán nội bộ

Ký hiệu: AA/2009T

Ngày 08 tháng 01 năm 2011

Số: 0063456

Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần Cơ khí mỏ Việt Bắc-VVMI

Địa chỉ : xã Cù Vân- Huyện Đại Từ- Thái Nguyên

Số tài khoản : 39010000000410

Điện thoại : MS:

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị : Công ty cổ phần Cơ điện Ưông Bí-TKV

Địa chỉ : Bắc Sơn-Ưông Bí-Quảng Ninh

Số tài khoản : 102010000225720

Hình thức thanh toán : chuyển khoản

MST: 5700526340

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
A	B	C	1	2	3 = 2x1

1	Thùng goong 3 tấn	Cái	30	12.590.000	377.700.000
2	XG3-900	Bộ	30	7.078.000	212.340.000
3	Khung sắt si goong 3 tấn	Cặp	60	4.950.000	297.000.000
4	XG3-900	Bộ	60	720.000	43.200.000
5	Cặp trục xe goòng 3 tấn	Cái	120	48.000	5.760.000
	Móc nối xích goong 3 tấn loại 2 mắt				
	Chốt giữ trục goòng 3 tấn				
Cộng tiền hàng:					936.000.000
Thuế suất GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT:	93.600.000
Tổng tiền thanh toán:					1.029.600.000
					0

Số tiền viết bằng chữ: Một tỷ không trăm hai chín triệu sáu trăm ngàn đồng .

Người mua hàng
đơn vị

(ký, họ tên)
dấu)

Người bán hàng

(ký, họ tên)

Thủ trưởng

(ký, đóng

(Nguồn số liệu từ phòng kế toán)

2.2. Đối tượng chịu thuế GTGT và thuế suất GTGT

* Mức thuế suất thuế GTGT đầu vào áp dụng tại công ty

STT	Thuế suất	Tên mặt hàng
1	0%	
2	5%	
3	10%	Trả tiền điện thoại Nhập kho nhiên liệu Nhập kho kim khí

		Phí tiếp nhận thép Cước vận chuyển thép Lệ phí nộp thuế Lệ phí nộp tiền bảo hiểm Lệ phí trả tiền Tiền phòng nghỉ Nhập kho phụ tùng Nhập kho vật liệu xây dựng Lệ phí chuyển tiền Thuê thiết kế bản vẽ thi công Thuê vận chuyển Mua hàng Mua thuốc Lệ phí rút tiền mặt Tiền điện tháng 1/2011 Nhập kho hóa chất Phí thuê vỏ chai Tiếp khách
--	--	---

* Mức thuế suất thuế GTGT đầu ra của công ty

STT	Thuế suất	Tên mặt hàng
1	0%	
2	5%	Thu tiền nước
3	10%	Phục hồi eiso xe hyundai Thùng goong cặp trục xe goòng Phoi tiện phế liệu Thép AKMS-22 Mài mặt quy lát máy xúc Mài mặt quy lát xe hyundai Mài mặt quy lat xe DONGPHONG Răng gầu máy xúc Mặt bích Phục hồi quy lat máy khoan TITON Tai xe K PAZ 6510 Nắn mũi khoan rộng+phay giác ty choong Phụ tùng xe goong Vỉ chống lò Quả búa máy nghiền than

2.3 Công tác thuế GTGT tại công ty Cổ Phần cơ khí mở Việt Bắc-VVMI

Tại công ty Cổ phần cơ khí mở Việt Bắc – VVMI hiện đang sử dụng phần mềm hỗ trợ kê khai thuế HTKK 2.5.3 để thực hiện việc kê khai thuế GTGT trong tháng.

Kế toán sử dụng chứng từ mua vào và bán ra để nhập dữ liệu trên 02 phụ lục; Phụ lục số 01 – Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ bán ra và Phụ lục số 02 – Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ MUA VÀO

STT	Hoá đơn, chứng từ, biên lai nộp thuế			Tên người bán	Mã số thuế người bán	Mặt hàng	Doanh số mua chưa có thuế	Thuế suất (%)	Thuế GTGT	Ghi chú
	Ký hiệu hoá đơn	Số hoá đơn	Ngày, tháng, năm phát hành							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1. Hàng hoá, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT:										
1	AB/2010T	385063	31/12/2010	Cty CP viễn thông thái Nguyên	4600345317	trả tiền điện thoại	236,017	10%	23,601	
2	AA/11P	0002251	02/01/2011	Cty xăng dầu Bắc Thái	4600128263	Nhập kho nhiên liệu	10,479,730	10%	1,047,973	
3	AA/2006T	0077848	03/01/2011	Tập đoàn CN than-KS Việt Nam	5700100256	nhập kho kim khí	1,369,067,700	10%	136,906,770	
4	AA/2006T	0077849	03/01/2011	Tập đoàn CN than-KS Việt Nam	5700100256	phí tiếp nhận thép	4,854,850	10%	485,485	
5	AA/2006T	0077850	03/01/2011	Tập đoàn CN than-KS Việt Nam	5700100256	Cước vận chuyển thép	15,219,256	10%	1,521,926	
6	PK/2010B	0066332	03/01/2011	Cty CP đầu tư TM Mai Hiền	4600480179	nhập kho kim khí	92,649,000	10%	9,264,900	
7	RM/2011T	22000003	05/01/2011	Ngân hàng công thương	0100111948008	Lệ phí nộp thuế	10,000	10%	1,000	
8	RM/2011T	22000003	05/01/2011	Ngân hàng công thương	0100111948008	Lệ phí nộp tiền bảo hiểm	10,000	10%	1,000	
9	RM/2011T	22000003	05/01/2011	Ngân hàng công thương	0100111948008	Lệ phí trả tiền	49,711	10%	4,971	
10	AA/2010T	0850128	07/01/2011	Cty điện lực Thái nguyên	0100100417006	trả tiền điện thoại	56,546	10%	5,655	
11	AA/2010T	0850129	07/01/2011	Ngân hàng đầu tư	0100100417006	trả tiền điện thoại	97,165	10%	9,717	
12	AA/2009T	019887	08/01/2011	Cty CP TM,DVDL Cẩm phả	5700475720	Tiền phòng nghỉ	363,635	10%	36,364	
13	AA/11P	0002217	12/01/2011	Cty xăng dầu Bắc Thái	4600128263	Nhập kho nhiên liệu	31,100,010	10%	3,110,001	
14	AA/2006T	0077783	12/01/2011	Tập đoàn CN than-KS Việt Nam	5700100256	nhập kho kim khí	2,326,542,300	10%	232,654,230	
15	AA/2006T	0077784	12/01/2011	Tập đoàn CN than-KS Việt Nam	5700100256	Phí tiếp nhận thép	8,250,150	10%	825,015	
16	AA/2006T	0077785	12/01/2011	Tập đoàn CN than-KS Việt Nam	5700100256	Cước vận chuyển thép	20,443,872	10%	2,044,387	
17	AA/2009T	019900	12/01/2011	Cty CP TM,DVDL Cẩm phả	5700475720	Tiền phòng nghỉ	272,727	10%	27,273	

18	RS/2010B	0013706	13/01/2011	CTY CP TM XNK máy,thiết bị phụ t	0101791164	Nhập kho phụ tùng	50,400,000	10%	5,040,000	
19	AA/2010T	0159107	13/01/2011	Cty xi măng La Hiên-VVMI	4600422240	Nhập kho vật liệu xây dựng	10,281,818	10%	1,028,182	
20	RM/2011T	22000015	13/01/2011	Ngân hàng công thương	0100111948008	Lệ phí chuyển tiền	251,547	10%	25,155	
21	AA/11P	0002257	15/01/2011	Cty xăng dầu Bắc Thái	4600128263	Nhập kho nhiên liệu	6,754,184	10%	675,418	
22	AA/2010B	0007605	15/01/2011	Cty CP tư vấn đầu tư xây lắp VN	0104079935	Thuê thiết kế bản vẽ thi công	33,990,909	10%	3,399,091	
23	QA/2010B	0030361	15/01/2011	Cty CP TM tổng hợp Trung Hiếu	0101324843	nhập kho kim khí	100,353,518	10%	10,035,352	
24	AA/11P	0000074	16/01/2011	Cty CP VLXD TM vận tải B-D-T-Dg	4600697968	nhập kho kim khí	83,306,054	10%	8,330,605	
25	CL/11P	000019	16/01/2011	DN tư nhân kd SX XD Cường Lan	4600291220	nhập kho kim khí	5,261,541	10%	526,154	
26	NU/2010B	0066133	17/01/2011	Cty TNHH TM vận tải Thịnh An	5700496061	thuê vận chuyển	21,000,000	10%	2,100,000	
27	AA/11P	0002224	18/01/2011	Cty xăng dầu Bắc Thái	4600128263	Nhập kho nhiên liệu	4,684,092	10%	468,409	
28	179	067	18/01/2011	Ngân hàng đầu tư	0100150619025	Lệ phí trả tiền	10,000	10%	1,000	
29	AA/2010T	01936634	19/01/2011	Cty CP khách sạn Thái Nguyên	4600422402	Mua hàng	34,470,000	10%	3,447,000	
30	129	053	19/01/2011	Ngân hàng đầu tư	0100150619025	Lệ phí trả tiền	10,000	10%	1,000	
31	175	058	19/01/2011	Ngân hàng đầu tư	0100150619025	Lệ phí nộp thuế	10,000	10%	1,000	
32	CL/11P	0000031	20/01/2011	DN tư nhân kd SX XD Cường Lan	4600291220	Nhập kho kim khí	391,370,535	10%	39,137,054	
33	AA/11P	0002260	22/01/2011	Cty xăng dầu Bắc Thái	4600128263	Nhập kho nhiên liệu	19,925,551	10%	1,992,555	
34	TN/11P	0000228	23/01/2011	Cty CP dược phẩm Hoàng Lan	4600353117	mua thuốc	1,380,952	10%	138,095	
35	974	138	24/01/2011	Ngân hàng đầu tư	0100150619025	Lệ phí rút tiền mặt	110,000	10%	11,000	
36	AD/2010T	5317944	24/01/2011	Ngân hàng đầu tư	0100100417006	Tiền điện tháng 1/2011	57,517,575	10%	5,751,758	
37	AA/2010T	001267	25/01/2011	Cty CP khí CN Việt Nam	0100103016	nhập kho hóa chất	2,164,100	10%	216,410	
38	AA/2007T	0066151	25/01/2011	Cty Kinh doanh than Bắc Thái	0100100689004	Nhập kho nhiên liệu	120,788,400	10%	12,078,840	
39	975	256	26/01/2011	Ngân hàng đầu tư	0100150619025	Lệ phí rút tiền mặt	50,000	10%	5,000	
40	AA/2010T	003391	27/01/2011	Cty TNHH Air Liquide Việt Nam	2300103521	Phí thuê vỏ chai	113,592	10%	11,359	
41	RM/2011T	22000036	27/01/2011	Ngân hàng công thương	0100111948008	Lệ phí chuyển tiền	397,726	10%	39,773	

42	RM/2011T	22000038	28/01/2011	Ngân hàng công thương	0100111948008	Lệ phí chuyển tiền	10,000	10%	1,000	
43	115	038	29/01/2011	Ngân hàng đầu tư	0100150619025	Lệ phí trả tiền	200,000	10%	20,000	
44	119	040	29/01/2011	Ngân hàng đầu tư	0100150619025	Lệ phí trả tiền	562,500	10%	56,250	
45	127	045	29/01/2011	Ngân hàng đầu tư	0100150619025	Lệ phí trả tiền	20,000	10%	2,000	
46	135	047	29/01/2011	Ngân hàng đầu tư	0100150619025	Lệ phí trả tiền	287,500	10%	28,750	
47	139	051	29/01/2011	Ngân hàng đầu tư	0100150619025	Lệ phí trả tiền	10,000	10%	1,000	
48	149	055	29/01/2011	Ngân hàng đầu tư	0100150619025	Lệ phí trả tiền	20,000	10%	2,000	
49	152	057	29/01/2011	Ngân hàng đầu tư	0100150619025	Lệ phí trả tiền	100,000	10%	10,000	
50	976	191	29/01/2011	Ngân hàng đầu tư	0100150619025	Lệ phí rút tiền mặt	65,000	10%	6,500	
51	RM/2011T	22000040	29/01/2011	Ngân hàng công thương	0100111948008	Lệ phí chuyển tiền	240,000	10%	24,000	
52	AA/2010T	0196977	30/01/2011	Cty CP khách sạn Thái Nguyên	4600422402	Tiền phòng nghỉ	1,200,000	10%	120,000	
53	AA/2010T	0196978	31/01/2011	Cty CP khách sạn Thái Nguyên	4600422402	Tiếp khách	1,181,818	10%	118,182	
Tổng							4,828,201,581		482,820,160	
2. Hàng hoá, dịch vụ dùng riêng cho SXKD không chịu thuế GTGT:										
1							0		0	
Tổng							0		0	
3. Hàng hoá, dịch vụ dùng chung cho SXKD chịu thuế GTGT và không chịu thuế GTGT:										
1							0		0	
Tổng							0		0	

Tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào:

4,828,201,581

Tổng thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào:

482,820,160

-Kế toán thuế giá trị gia tăng đầu ra

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ BÁN RA

STT	Hoá đơn, chứng từ bán			Tên người mua	Mã số thuế người mua	Mặt hàng	Doanh số bán chưa có thuế	Thuế suất (%)	Thuế GTGT	Ghi chú
	Ký hiệu hoá đơn	Số hoá đơn	Ngày, tháng, năm phát hành							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1. Hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế GTGT:										
1							0		0	
Tổng							0		0	
2. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 0%:										
1							0	0%	0	
Tổng							0	0%	0	
3. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%:										
1		11	30/01/2011	Phạm Quang Nhật		thu tiền nước	620,000	5%	31,000	
Tổng							620,000	5%	31,000	
4. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10%:										
1	AA/2009T	0063451	04/01/2011	Mỏ than Phần Mễ	4600100155019	Phục hồi esio xe Hyundai	1,200,000	10%	120,000	
2	AA/2009T	0063452	06/01/2011	Công ty CP than vàng Danh	5700101877	Thùng goong+cấp trục xe g	95,000,000	10%	9,500,000	
3	AA/2009T	0063453	07/01/2011	Phạm Bá Hoạch		Phoi tiện phế liệu	1,000,000	10%	100,000	
4	AA/2009T	0063454	07/01/2011	Công ty CP ô tô Uông Bí	5700623552	Thép AKMS-22	368,025,372	10%	36,802,537	
5	AA/2009T	0063456	08/01/2011	Cty CP cơ điện Uông Bí	5700526340	Thùng goong+cấp trục xe g	936,000,000	10%	93,600,000	
6	AA/2009T	0063457	11/01/2011	Nguyễn trương Hoan		Mài mặt quy lat máy xúc	250,000	10%	25,000	
7	AA/2009T	0063458	12/01/2011	Vũ Văn Tảo		Mài mặt quy lát xe hyundai	1,200,000	10%	120,000	

8	AA/2009T	0063459	12/01/2011	Triệu Đức Hoài		Mài mặt quy lát xe DAP	250,000	10%	25,000	
9	AA/2009T	0063460	14/01/2011	Cty TNHH MTV than KH	4600394804	Răng gầu máy xúc	33,600,000	10%	3,360,000	
10	AA/2009T	0063461	16/01/2011	VP ĐH N.thầu DA XM Tân Q	5000304448	Mặt bích	2,363,636	10%	236,364	
11	AA/2009T	0063462	17/01/2011	Cty TNHH MTV than KH	4600394804	Phục hồi mặt quy lát MK	2,400,000	10%	240,000	
12	AA/2009T	0063463	17/01/2011	Cty TNHH MTV than KH	4600394804	tai xe KPAZ6510	2,200,000	10%	220,000	
13	AA/2009T	0063464	20/01/2011	Mỏ than Phần Mễ	4600100155019	Nấn mũi khoan rộng+phay	900,000	10%	90,000	
14	AA/2009T	0063465	21/01/2011	Công ty cổ phần ck Mạo Khê	5700526478	phụ tùng xe goong	936,000,000	10%	93,600,000	
15	AA/2009T	0063467	25/01/2011	Cty XD mỏ hầm lò 2-VVMI	5700100256040	Vi chống lò	790,162,401	10%	79,016,240	
16	AA/2009T	0063468	25/01/2011	Cty XD mỏ hầm lò 2-VVMI	5700100256040	Vi chống lò	310,590,563	10%	31,059,056	
17	AA/2009T	0063469	28/01/2011	Cty CP TM Thái Nam	4600378312	Quả búa máy nghiền than	9,300,000	10%	930,000	
Tổng							3,490,441,972	10%	349,044,197	

Tổng doanh thu hàng hoá, dịch vụ bán ra:

3,491,061,972

Tổng thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra:

349,075,197

Tờ khai thuế GTGT tháng 01/2011

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Mẫu số 01/GTGT)

Kỳ tính thuế: Tháng 01 năm 2011

Mã số thuế: 4600432062

Người nộp thuế: Công ty cổ phần cơ khí Mô Việt Bắc-VVMI

STT	CHỈ TIÊU		GIÁ TRỊ HHDV	THUẾ GTGT	
A	Không phát sinh hoạt động mua bán trong kỳ (đánh dấu "X")	[10]	0		
B	Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang			[11]	0
C	Kê khai thuế GTGT phải nộp Ngân sách nhà nước				
I	Hàng hóa, dịch vụ (HHDV) mua vào				
1	Hàng hóa, dịch vụ mua vào trong kỳ ([12]=[14]+[16]; [13]=[15]+[17])	[12]	4,828,201,581	[13]	482,820,160
a	Hàng hóa, dịch vụ mua vào trong nước	[14]	0	[15]	0
b	Hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu	[16]	0	[17]	0
2	Điều chỉnh thuế GTGT của HHDV mua vào các kỳ trước				
a	Điều chỉnh tăng	[18]	0	[19]	0
b	Điều chỉnh giảm	[20]	0	[21]	0
3	Tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào ([22]=[13]+[19]-[21])			[22]	482,820,160
4	Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này			[23]	482,820,160
II	Hàng hóa, dịch vụ bán ra				
1	Hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ ([24]=[26]+[27]; [25]=[28])	[24]	3,491,061,972	[25]	349,075,197
1. 1	Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT	[26]	0		
1. 2	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT ([27]=[29]+[30]+[32]; [28]=[31]+[33])	[27]	3,491,061,972	[28]	349,075,197
a	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế 0%	[29]	0		
b	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế 5%	[30]	620,000	[31]	31,000
c	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế 10%	[32]	3,490,441,972	[33]	349,044,197
2	Điều chỉnh thuế GTGT của HHDV bán ra các kỳ trước				
a	Điều chỉnh tăng	[34]	0	[35]	0
b	Điều chỉnh giảm	[36]	0	[37]	0
3	Tổng doanh thu và thuế GTGT của HHDV bán ra ([38]=[24]+[34]-[36], [39]=[25]+[35]-[37])			[39]	349,075,197
III	Xác định nghĩa vụ thuế GTGT phải nộp trong kỳ				
1	Thuế GTGT phải nộp trong kỳ ([40]=[39]-[23]-[11])			[40]	349,075,197
2	Thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này ([41]=[39]-[23]-[11])			[41]	0
2. 1	Thuế GTGT đề nghị hoàn kỳ này			[42]	0
2. 2	Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau ([43]=[41]-[42])			[43]	0

Người ký:

Phùng Ngọc Cẩm

Sau khi kế toán nhập dữ liệu về tình hình mua, bán hàng hóa trong tháng vào Bảng kê hàng hoá mua vào và bán ra trong kỳ. Phần mềm hỗ trợ kê khai thuế HTKK 2.5.3 tự động kết xuất số liệu trên tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/ GTGT

2.4 Nộp thuế

*** Thời hạn nộp thuế GTGT**

- Người nộp thuế có nghĩa vụ nộp thuế đầy đủ, đúng thời hạn vào Ngân sách nhà nước.

- Trường hợp người nộp thuế tính thuế, thời hạn nộp thuế chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế GTGT

- Trường hợp cơ quan thuế tính thuế hoặc ấn định thuế, thời hạn nộp thuế là thời hạn ghi trên thông báo của cơ quan thuế.

*** Đồng tiền nộp thuế**

- Đồng tiền nộp thuế là đồng tiền Việt Nam

- Trường hợp nộp thuế bằng ngoại tệ;

+ Người nộp thuế chỉ được nộp thuế bằng các ngoại tệ tự do chuyển đổi theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

+ Số ngoại tệ nộp thuế được quy định đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá ngoại tệ do Ngân hàng Nhà nước công bố có hiệu lực tại thời điểm tiền thuế được nộp vào Kho bạc Nhà nước.

*** Địa điểm nộp thuế**

- Tại Kho bạc Nhà nước

- Tại cơ quan thuế nơi tiếp nhận hồ sơ khai thuế

- Thông qua tổ chức, cá nhân được cơ quan thuế uỷ nhiệm thu thuế

- Thông qua ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác và tổ chức dịch vụ theo quy định của pháp luật.

2.5 Kê khai thuế:

- Doanh nghiệp sử dụng phương pháp khấu trừ thuế và làm tờ khai hàng tháng, cuối năm doanh nghiệp phải làm báo cáo tài chính năm để nộp cho cơ quan thuế.

- Hồ sơ khai thuế gồm có:

- + Tờ khai thuế GTGT
- + Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa dịch vụ bán ra.
- + Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào.
- + Bảng giải trình khai bổ sung, điều chỉnh.

2.6 Hoàn thuế.

*** Cơ sở hoàn thuế GTGT đầu vào**

Hoàn thuế là nguyên lý tất yếu của thuế GTGT khi số thuế đầu vào mà doanh nghiệp đã trả lớn hơn số thuế đầu ra mà doanh nghiệp đã nộp vào ngân sách nhà nước

*** Một số trường hợp cụ thể được hoàn thuế GTGT**

- Cơ sở kinh doanh trong 3 tháng liên tục trở lên có số thuế đầu vào chưa được khấu trừ hết

- Hồ sơ hoàn thuế:

- + Văn bản đề nghị hoàn thuế theo mẫu số 01/HTBT

- + Bảng kê khai tổng hợp số thuế phát sinh đầu ra, đầu vào được khấu trừ, số thuế đã nộp, số thuế đầu vào lớn hơn đầu ra đề nghị hoàn theo mẫu số 01-1/HTBT

- Cơ sở kinh doanh trong tháng có hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu nếu có số thuế GTGT đầu vào của hàng hoá xuất khẩu phát sinh trong tháng chưa được khấu trừ từ 200 triệu đồng trở lên thì được xét hoàn thuế theo tháng.

*** Thủ tục hoàn thuế GTGT**

- Người nộp thuế có giấy chứng nhận đăng ký thuế: nộp hồ sơ hoàn thuế tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

- Tổ chức, cá nhân không có giấy chứng nhận đăng ký thuế: nộp hồ sơ hoàn thuế tại cục thuế quản lý nơi tổ chức có trụ sở điều hành.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ:

KẾT LUẬN

Nhìn chung bộ máy kế toán trong công ty với đội ngũ cán bộ đủ về chất lượng, giỏi về chuyên môn đã góp một phần không nhỏ trong công tác hạch toán kế toán, giúp công ty luôn có được sự cân đối, lành mạnh về tài chính. Kế toán luôn kê khai thường xuyên, đầy đủ, chính xác và kịp thời báo có với cơ quan thuế. Các chứng từ, hóa đơn được sắp xếp gọn

gàng,hợp lý. Hệ thống sổ sách thì đầy đủ, sạch sẽ. Vì vậy với công tác thuế GTGT,bộ máy kế toán trong công ty đại chúng và nhân viên kế toán thuế GTGT nói riêng đã thực sự đem tới cho hội đồng quản trị sự tin cậy tuyệt đối.

Tuy nhiên bên cạnh đó công tác kế toán thuế GTGT trong công ty vẫn còn một số thiếu sót,tuy chỉ là những thiếu sót nhỏ nhưng cũng phần nào gây khó khăn trong công tác quản lý. Bởi vì đây là công ty vận tải nên đầu vào chủ yếu là xăng dầu nên thiếu sót chủ yếu là do lái xe quên,sơ suất không lấy được đầy đủ hóa đơn đầu. Việc kê khai đôi lúc bị lộn số nhưng khi phát hiện sai công ty đã làm công văn đến cơ quan thuế để điều chỉnh ngay.

Trong quá trình thực tập tại đây em đã có cơ hội tìm hiểu những đặc thù riêng về công tác kế toán trong công ty nói chung và kế toán thuế GTGT nói riêng,trên cơ sở nhận thức được những điểm mạnh cũng như nhìn nhận những thiếu sót,em đã đưa ra một số những giải pháp mong rằng phần nào giúp bộ máy kế toán tại công ty hoàn thiện hơn nữa trong quá trình thực hiện nhiệm vụ,vai trò của mình.

Trải qua 43 năm tồn tại và phát triển công ty đã thực sự lớn mạnh và phát triển, đời sống công nhân viên được cải thiện với mức lương tương đối ổn định, việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế được ban lãnh đạo công ty chú trọng

KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở tìm hiểu thực tế công tác kế toán thuế GTGT tại công ty Cổ Phần cơ khí mở Việt bắc-VVMI,em đã làm quen với bộ máy quản lý của Công ty nên em có một số kiến nghị như sau:

Công ty nên Khuyến khích và dẫn đi đến bắt buộc tất cả các hàng hoá bán lẻ dù lớn hay nhỏ đều dùng máy tính tiền trong đó có tỷ lệ thuế GTGT phải đóng, tổng số hàng và tổng số tiền phải trả.

Đồng thời Công ty nên Phối hợp với các cơ quan pháp luật, quản lý thị trường, phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp in ấn hóa đơn, chứng từ giả, buôn bán hoá đơn giả, hoá đơn thật.

Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác kế toán thuế tại công ty

*** Nâng cao công tác quản lý kế toán**

Ban lãnh đạo công ty xây dựng kế hoạch quản lý thuế hiệu quả hơn với các biện pháp:

Thứ nhất: Tuyển dụng nhân sự làm kiểm toán nội bộ để kiểm tra các hoạt động của phòng kế toán nói chung và các chứng từ liên quan tới thuế nói riêng, hoặc ban Giám Đốc cũng có thể mời tư vấn tài chính, kế toán khi có nhu cầu.

Thứ hai: Quản lý chặt chẽ các khoản chi phí ngoài sản xuất, nên giới hạn các khoản chi này trong phạm vi cho phép và giảm thiểu hoá đơn GTGT không.

Thứ ba: Ban lãnh đạo công ty có thể đề xuất với công ty cấp vốn đầu tư hoặc uỷ quyền cho Tổng Giám Đốc công ty dành một phần cho đầu tư thiết bị kết nối mạng Internet, hỗ trợ cho các nhân viên phòng ban tiếp cận với các tiện ích mà công nghệ thông tin mang lại làm cơ sở cho hạch toán kê khai nộp thuế điện tử theo lộ trình của tổng cục thuế trong tương lai gần.

*** Nâng cao công tác hạch toán thuế**

- tạo điều kiện cho kế toán thuế tham gia các lớp nghiệp vụ kê khai và báo cáo thuế. Chủ động mời cán bộ của chi cục thuế vào hướng dẫn kê khai phần mềm hỗ trợ thuế nếu cần thiết.

- kết nối Internet một cách đồng bộ và đề xuất với cơ quan thuế nộp báo cáo thuế qua mạng (sử dụng Email), các báo cáo thuế được kê khai và nộp cho cơ quan thuế (đối với thuế môn bài và thuế TNCN) dưới dạng file PDF có hệ thống mã vạch.

-luôn luôn cập nhật những văn bản mới nhất liên quan tới thuế, nghiên cứu xem xét và áp dụng các quy định về luật thuế như: các hoá đơn, chứng từ, bảng kê, mẫu báo cáo thuế, đối tượng áp dụng thuế... trong công ty. Nếu có thắc mắc về quy định về luật thuế thì công ty có thể yêu cầu cơ quan thuế quản lý giải thích, hướng dẫn

- công ty nên có nhân viên đảm nhiệm kế toán thuế riêng theo dõi, phản ánh kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan tới thuế GTGT nói riêng và các loại thuế môn bài và thuế TNCN trong công ty nói chung hàng tháng, quý, năm lập tờ khai thuế, quyết toán thuế cho cơ quan quản

lý công ty theo đúng quy định của pháp luật để công việc không chồng chéo và quản lý một cách hiệu quả hơn công tác kế toán thuế trong công ty.

Em xin được gửi lời cảm ơn tới cô giáo hướng dẫn Trương Thu Hương đã tận tình chỉ bảo cho em, và lời cảm ơn đặc biệt tới ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Cơ khí mỏ Việt Bắc-VVMI, các anh, chị nhân viên trong phòng kế toán đã giúp đỡ em hoàn thành đề án tốt nghiệp này.

Em xin chân thành cảm ơn!

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- a. Nghị định 51/2010/NĐ-CP quy định về hoá đơn bán hàng và cung cấp dịch vụ
- b. Thông tư 153/2010/TT-BTC hướng dẫn thi hành nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/05/2010 của chính phủ quy định về hoá đơn bán hàng, cung ứng dịch vụ;

- c. Luật thuế GTGT số: 13/2008/QH12
- d. Thông tư 129/2008/TT-BTC hướng dẫn thi hành luật thuế GTGT
- e. Phần mềm HTKK 2.5.3 tại website:
- f. Webketoan.com.vn
- j. Tailieu.vn

THÔNG TIN HỎI ĐÁP:

*Trong quá trình làm bài Báo cáo thực tập tốt nghiệp, bạn muốn tìm kiếm thêm nhiều tài liệu, giải đáp thắc mắc từ Trung tâm [Best4Team](#)
Liên hệ [Dịch vụ viết thuê báo cáo thực tập trọn gói uy tín](#)
Hoặc qua SĐT Zalo: 091.552.1220 hoặc email: best4team.com@gmail.com
để hỗ trợ ngay nhé!*